

TÒA ÁN NHÂN DÂN

THỊ XÃ B

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: **19/2023/DS-ST**

Ngày: 14/7/2023

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiệu Hmok và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-DS ngày 12/01/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 30/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989; (có mặt)

Địa chỉ: Số 1389 Hùng V, tổ dân phố Tân H, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Trần Anh M (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 Bùi Huy B, tổ dân phố T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thê H. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 09 Nguyễn T, tổ dân phố Tân H, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày có nội dung:

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Trần Anh M có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 08/7/2022, ông Trần Anh M có vay của bà T số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất, không thế chấp tài sản gì, thời hạn trả nợ là vào ngày 08/10/2022.

Tuy nhiên, tới hạn trả nợ ông Trần Anh M không trả khoản nợ gốc như cam kết. Mặc dù bà T đã gọi điện thoại và xuống nhà tìm ông M để đòi lại số tiền trên nhưng ông M luôn trốn tránh, chây ỳ và không chịu trả nợ.

Vì vậy, nay bà T có đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân Thị xã B giải quyết buộc ông Trần Anh M phải trả cho bà T toàn bộ số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn) và lãi suất 0,75% tính từ ngày 08/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/7/2023 là 08 tháng 24 ngày:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 08 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 3.300.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền yêu cầu ông Trần Anh M phải trả: 53.300.000 đồng.

- Bị đơn ông Trần Anh M trình bày có nội dung:

Vào ngày 08/7/2022 tôi làm ăn thua lỗ nên đã vay của bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), hai bên có lập giấy vay tiền, không có thế chấp tài sản gì, không có ghi lãi suất trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận lãi suất bằng miệng (không có văn bản giấy tờ chứng minh) là 1.000.000 đồng/ 7.000 đồng/ ngày, bà T có lấy trước của tôi 15 ngày tiền lãi là 5.525.000 đồng còn tiền tôi thực nhận là 44.750.000 đồng, hẹn trong vòng 02 tháng sẽ trả đủ cả gốc và lãi. Đến tháng 11/2022 tôi có trả tiền cho bà T 20.000.000 đồng và số tiền còn lại hẹn trong vòng 02 năm sẽ trả đủ. Việc trả tiền là tôi đưa trực tiếp tiền cho ông Nguyễn Thế H nay bà T lại lấy giấy vay này khởi kiện đòi tiền tôi, do đó tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trần Anh M có lên Tòa án một lần sau đó triệu tập họp lệ đều vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T. Buộc ông TRẦN ANH M phải trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Tòa án thị lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thị xã B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn ông Trần Anh M không chấp hành theo giấy triệu tập, không lên Tòa án để trình bày ý kiến của mình cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án giải quyết vụ án theo những căn cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vào ngày 20/6/2023 Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng phía bị đơn vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa; tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, và phần trình bày của bị đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 08/7/2022, ông Trần Anh M có vay của bà Nguyễn Thị Phương T số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), khi vay hai bên có lập giấy vay tiền, không thỏa thuận lãi suất ghi trong hợp đồng, không thể chấp tài sản gì, thời hạn trả nợ là vào ngày 08/10/2022. Tuy nhiên bị đơn ông Trần Anh M cho rằng có thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng/ 7.000 đồng/ ngày nhưng bà Nguyễn Thị Phương T không thừa nhận thỏa thuận lãi suất này, mặt khác ông Trần Anh M không có văn bản giấy tờ gì chứng minh việc thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng/ 7.000 đồng/ ngày. Đối với số tiền thực nhận ông M cho rằng chỉ nhận số tiền 44.750.000 đồng sau khi đã trả 15 ngày tiền lãi 5.525.000 đồng thì ông M cũng không có văn bản giấy tờ gì chứng minh, bà T cũng không thừa nhận việc này. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để tiến hành đối chất nhưng ông M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án cũng tiến hành triệu tập ông Nguyễn Thế H theo tên, địa chỉ mà phía bị đơn cung cấp để chứng minh đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà T nhưng theo xác minh tại chính quyền địa phương thì tại tổ dân phố Tân H, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk thì ông Nguyễn Thế H đã bỏ đi khỏi địa phương, ông H bỏ đi đâu thì địa phương cũng không biết. Do đó chứng cứ mà bị đơn cung cấp không có căn cứ để xem xét. Như vậy việc ông Trần Anh M có vay của bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 50.000.000 đồng là có thật, việc xác lập hợp đồng vay tiền giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự nhưng ông M đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Anh M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là có cơ sở cần chấp nhận.

Về lãi suất: Mặc dù giữa ông Trần Anh M và bà Nguyễn Thị Phương T không thỏa thuận lãi suất, tuy nhiên đến hạn trả nợ ông M không trả nợ khoản nợ nào, do đó căn cứ khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự ông Trần Anh M phải trả tiền lãi chậm trả là phù hợp. Bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu lãi suất chậm trả là 0,75 %/ tháng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Thời gian từ ngày đến hạn trả nợ ngày 08/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/7/2023 là 08 tháng 24 ngày. Vậy lãi suất chậm trả ông Trần Anh M phải trả là 50.000.000 đồng x 0,75%/ tháng x 08 tháng 24 ngày = 3.300.000 đồng.

Vậy, tổng số tiền ông Trần Anh M phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương T là 53.300.000 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

[5] Về án phí:

Ông Trần Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Trần Anh M phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 53.300.000 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Trần Anh M phải chịu 2.665.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch (53.300.000 đồng x 5% = 2.665.000 đồng);

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 1.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0018368 ngày 12/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx B;
- Chi cục THADS tx B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Anh Tuấn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Diệu Hmok

Nguyễn Thị Quỳnh Hải

Cao Anh Tuấn